

Số: **169/2020/QĐST-HNGĐ**

Mỹ Tho, ngày 03 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO-TỈNH TIỀN GIANG**

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 537/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:*

1. **Chị Nguyễn Thị Kiều N**, sinh năm: 1986;

Địa chỉ: Số A, khu phố N, Phường H, Tp M, tỉnh Tiền Giang.

2. **Anh Lê Tấn T**, sinh năm: 1986;

Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số A, khu phố N, Phường H, Tp M, tỉnh Tiền Giang.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 26 tháng 8 năm 2020 các bên đương sự đã thỏa thuận được với nhau cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kiều N và anh Lê Tấn T thống nhất thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Có 02 con chung là Lê Nguyễn Đăng K, sinh ngày 24/8/2014 và Lê Nguyễn Đăng K, sinh ngày 07/6/2017. Sau khi ly hôn anh chị thống nhất giao các con chung cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Mỗi tháng anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung số tiền 8.000.000 đồng cho đến khi các con tròn 18 tuổi lao động được.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kiều N và anh Lê Tấn T thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung là Lê Nguyễn Đăng K, sinh ngày 24/8/2014 và Lê Nguyễn Đăng K, sinh ngày 07/6/2017. Sau khi ly hôn anh chị thống nhất giao các con chung cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 8.000.000 đồng. Thời gian thực hiện từ khi quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Lê Nguyễn Đăng K và cháu Lê Nguyễn Đăng K đủ 18 tuổi và lao động được. Anh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Kể từ ngày quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật, chị N có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng, nếu anh T chậm thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Kiều N và anh Lê Tấn T mỗi người tự nguyện chịu 150.000 đồng. Chị N đã nộp 150.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí hôn nhân sơ thẩm theo biên lai thu số 0001891 ngày 18/8/2020, anh T đã nộp 150.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí hôn nhân sơ thẩm theo biên lai thu số 0001890 ngày 18/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, nên xem như nộp xong lệ phí. Án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng, anh T tự nguyện nộp, anh T tiếp tục nộp số tiền 150.000 đồng cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND Tp Mỹ Tho;
- CCTHA Tp Mỹ Tho;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu HS

**THẨM PHÁN**

**Trần Thị Thúy Hằng**

